

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3904

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 29/11/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy	An		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng	Anh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý	Ân		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An	Bình		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy	Cơ		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc	Châu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức	Chiến		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt	Danh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài	Duyên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long	Đăng		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh	Giang		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh	Giàu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo	Hà		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật	Hào		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang	Huy		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu	Huyền		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục	Kiên		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng	Khanh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị	Liễu		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh		•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3904

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 29/11/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3903

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 29/11/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3903

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 29/11/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Viết 3 (001152 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000689	Đặng Kim Yến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3901

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 30/11/2021

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Ngữ pháp (001198 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3901

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 30/11/2021

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Ngữ pháp (001198 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yển			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3902

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 30/11/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21030581-21070581

SL:38

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72101210	Nguyễn Thị Ngọc Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32101109	Nguyễn Thị Tuyết Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72101212	Trịnh Hữu Tuấn Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101214	Trương Nhật Băng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32100865	Phạm Minh Giang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72101232	Nguyễn Minh Hà			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32101130	Võ Khánh Huy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32101129	Lương Thị Thu Hương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32101131	Phạm Thị Minh Khai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32100750	Trần Thị Yến Khoa			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101239	Phan Ngọc Bảo Khuỷên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101160	Dương Ngọc Nga			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32100776	Ông Nguyễn Nguyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32101151	Lưu Yến Nhi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32101156	Lê Thị Hồng Nhung			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72101257	Huỳnh Thị Như			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72101266	Trần Minh Quang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32100803	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3902

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 30/11/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21030581-21070581

SL:38

Lần:1

Môn học: Pháp luật đại cương (302053 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72101040	Trần Thị Huyền	Sương		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32100820	Huỳnh Ngọc Mỹ	Tiên		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72100814	Lê Thị Thanh	Thào		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72101281	Trần Nữ Diệu	Thào		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72101283	Lê Minh	Thư		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72101284	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72101044	Phùng Long Thị Minh	Thư		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32100873	Thạch Thị Anh	Thư		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	72101287	Lê Đỗ Xuân	Thy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	72101172	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32101168	Nguyễn Thị Phương	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	72101290	Thái Thị Thu	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	32101166	Huỳnh Thị Bích	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	72101170	Trần Thị Bích	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	32101169	Hồ Thị Ngọc	Triển		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	32101172	Châu Lê Nhã	Trúc		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	32101173	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	32101175	Nguyễn Huyền	Vi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3906

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 01/12/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000629	Nguyễn Ngọc Thùy An			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000630	Phan Thị Hồng Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000691	Trần Quý Ân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000698	Nguyễn An Bình			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000633	Nguyễn Duy Cơ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000952	Trần Ngọc Châu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000993	Nguyễn Đức Chiến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000634	Văn Việt Danh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000995	Trần Nguyễn Tài			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000703	Đình Long Đăng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000714	Ngô Thị Ninh Giang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000718	Nguyễn Kim Thanh Giàu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000045	Nguyễn Trình Bảo Hà			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000725	Trần Nhật Hào			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000996	Nguyễn Quang Huy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000997	Vũ Trần Thu Huyền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000746	Trương Lục Kiên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000066	Nguyễn Đỗ Hoàng Khanh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000649	Phạm Thị Liễu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000096	Nguyễn Phạm Ngọc Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3906

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 01/12/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:25

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000754	Nguyễn Văn Thùy Linh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000967	Nguyễn Bảo Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000651	Nguyễn Thị Sương Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000772	Trần Lê Bảo Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000998	Vũ Thị Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3905

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 01/12/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000026	Bùi Xuân Chính			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000972	Dương Thị Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000999	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000789	Trần Thảo Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000793	Nguyễn Thị Hồng Phúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000161	Đỗ Đức Cao Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000976	Nguyễn Thu Phương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000667	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02001001	Trần Thị Mỹ Tâm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000829	Nguyễn Việt Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02001004	Trần Nhật Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02001005	Trần Thanh Tuấn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000816	Trần Thị Phương Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000811	Nguyễn Quốc Thắng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000825	Nguyễn Trần Phương Thùy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000835	Nguyễn Kiều Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000986	Lê Thị Tuyết Trinh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000250	Nguyễn Kiều Mộng Trúc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02001006	Tôn Thái Quỳnh Viên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000851	Nguyễn Hồng Hoàng Vũ			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3905

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 01/12/2021

Giờ thi: 18:30

Lớp thi: 20000181

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000854	Hồ Hạ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000857	Nguyễn Hoàng Bảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000689	Đặng Kim Yến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3907

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 02/12/2021

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Viết 1 (001150 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02100465	Bùi Trần Văn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02100811	Nguyễn Ngô Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02100816	Trần Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02100529	Trần Thị Bảo Diễm			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02100472	Lê Nguyễn Huỳnh Du			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02100824	Đình Gia Hân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02100763	Trần Thị Hồng Hiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02100834	Huỳnh Thị Thanh Hương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02100482	Nguyễn Thị Trúc Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02100569	Nguyễn Trần Phương Linh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02100768	Phạm Huệ Mẫn			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02100866	Nguyễn Diễm My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02100867	Trần Huyền Thảo My			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02100771	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02100871	Nguyễn Thu Ngân			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02100595	Nguyễn Quốc Gia Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02100873	Phạm Xuân Nghi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02100875	Đỗ Phan Anh Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02100776	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02100882	Nguyễn Thị Ngọc Nhi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/	1/
2/	2/	Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 02/12/2021

Giờ thi: 13:30

Lớp thi: 21000181

SL:38

Lần:1

Môn học: Viết 1 (001150 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02100890	Trần Tấn Phát			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02100784	Nguyễn Thị Như			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02100897	Hồ Như Quỳnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02100902	Phùng Thanh Sơn			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02100619	Trần Huỳnh Mai			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02100903	Nguyễn Đặng Mỹ Tâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02100792	Ngô Thủy Tiên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02100649	Huỳnh Thị Kim Tuyền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02100907	Đặng Thanh Thảo			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	02100915	Dương Hoàng Minh Thu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	02100916	Đinh Thị Anh Thư			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	02100917	Lê Thị Anh Thư			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	02100923	Nguyễn Hoài Thương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	02100505	Nguyễn Thụy Ngọc Thy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	02100507	Lê Thị Tuyết Trinh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	02100799	Ngô Lan Vi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	02100946	Trương Ngọc Mỹ Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	02100952	Huỳnh Nguyễn Ngọc Yến			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3908

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 03/12/2021

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21070581

SL:23

Lần:1

Môn học: Toán kinh tế (C01120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 29 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001238	Nguyễn Hà Kiều Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72101210	Nguyễn Thị Ngọc Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72101212	Trịnh Hữu Tuấn Anh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72101214	Trương Nhật Băng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000274	Nguyễn Thị Triệu Duy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72101232	Nguyễn Minh Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72101236	Nguyễn Thị Hoài			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72101239	Phan Ngọc Bảo Khuyên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72101160	Dương Ngọc Nga			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72101163	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72101257	Huỳnh Thị Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72101266	Trần Minh Quang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72101040	Trần Thị Huyền Sương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72100814	Lê Thị Thanh Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72101281	Trần Nữ Diệu Thảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72101283	Lê Minh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72101284	Nguyễn Thị Anh Thư			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72101044	Phùng Long Thị Minh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72101287	Lê Đỗ Xuân Thy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72101172	Nguyễn Thị Huyền Trang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3908

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 03/12/2021

Giờ thi: 7:30

Lớp thi: 21070581

SL:23

Lần:1

Môn học: Toán kinh tế (C01120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 29 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72101290	Thái Thị Thu Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72101170	Trần Thị Bích Trâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001564	Lê Ngân Trúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3909

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 08/12/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Tổ chức máy tính (502044 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52100535	Vũ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52100773	Nguyễn Văn Biên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100540	Lý Đại Cương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52100776	Nguyễn Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52100749	Đỗ Minh Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100789	Nguyễn Thái Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52100550	Đạo Thanh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52100551	Nguyễn Quốc Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52100810	Trần Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52100820	Nguyễn Lâm Thành Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52100826	Nguyễn Quỳnh Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52100569	Võ Tiến Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52100836	Đặng Ngọc Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52100837	Võ Quang Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52100527	Đỗ Quốc Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52100842	Nguyễn Văn Thịnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3909

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 08/12/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Tổ chức máy tính (502044 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52100861	Nguyễn Quang Trường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52100868	Hồ Đặng Tuấn Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ
* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3910

Trang: 1/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 16/12/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Phương pháp lập trình (501042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52100535	Vũ Quốc Bảo			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52100773	Nguyễn Văn Biên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52100540	Lý Đại Cương			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52100776	Nguyễn Thị Kim Chi			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52100749	Đỗ Minh Đăng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52100789	Nguyễn Thái Hà			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52100791	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52100798	Đỗ Văn Hoàng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52100751	Nguyễn Huỳnh Gia Huy			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52100550	Đạo Thanh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52100801	Nguyễn Khánh Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52100551	Nguyễn Quốc Hưng			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52100810	Trần Trung Kiên			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52100820	Nguyễn Lâm Thành Long			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52100826	Nguyễn Quỳnh Như			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52100569	Võ Tiến Phát			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52100836	Đặng Ngọc Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52100837	Võ Quang Sang			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52100527	Đỗ Quốc Tiến			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52100842	Nguyễn Văn Thịnh			•		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

* Học kỳ 1 / Năm học 2021 - 2022

Mã: 3910

Trang: 2/2

Phòng thi: THITRUCTUYEN- Ngày thi: 16/12/2021

Giờ thi: 15:30

Lớp thi: 21050281

SL:22

Lần:1

Môn học: Phương pháp lập trình (501042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52100861	Nguyễn Quang Trường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52100868	Hồ Đặng Tuấn Vũ			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/		1/	
2/		2/		Chữ ký:		Chữ ký:	